



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hùng Việt
Ông Dương Thanh Bình
Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Ngọc Hồng
Ông Bùi Chiến Thắng
Ông Phạm Hồng Minh
Bà Nguyễn Thị Phương
Ông Dương Thanh Bình
Bà Nguyễn Thị Nguyệt
Ông Vũ Tuấn Dương

Chức vụ

Chủ tịch
Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

(Bổ nhiệm ngày 19/06/2013)

(Bãi nhiệm ngày 19/06/2013)

(Bổ nhiệm ngày 19/06/2013)

(Bãi nhiệm ngày 19/06/2013)

(Bãi nhiệm ngày 19/06/2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Hồng
Ông Lê Thành Đồ
Ông Cao Văn Tĩnh
Ông Nguyễn Hanh Thông

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

Số: 194 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/08/2013 từ trang 3 đến trang 29 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0294-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2013



Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0917-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÁU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		364.630.955.483	367.878.572.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	130.763.574.039	103.304.966.501
1. Tiền	111		55.763.574.039	8.304.966.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.000.000.000	95.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121.068.888.889	156.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	121.068.888.889	156.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.401.019.465	95.233.049.437
1. Phải thu khách hàng	131		72.741.823.830	63.018.231.860
2. Trả trước cho người bán	132		21.214.709.000	36.938.851.020
3. Các khoản phải thu khác	135		1.338.894.097	1.875.725.573
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.894.407.462)	(6.599.759.016)
IV. Hàng tồn kho	140	6	11.295.420.682	9.487.310.957
1. Hàng tồn kho	141		11.295.420.682	9.487.310.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.102.052.408	3.853.245.452
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.810.388	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.574.321.989	3.787.943.033
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		355.281.402	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		115.638.629	65.302.419
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+ 260)	200		502.033.256.683	421.402.605.996
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		933.274.502	792.843.128
1. Phải thu dài hạn khác	218	7	933.274.502	792.843.128
II. Tài sản cố định	220		415.291.544.701	335.133.394.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	397.548.319.676	276.011.310.399
- Nguyên giá	222		787.577.638.910	625.161.954.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(390.029.319.234)	(349.150.644.047)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	14.341.030.445	19.121.373.929
- Nguyên giá	225		47.803.434.833	47.803.434.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(33.462.404.388)	(28.682.060.904)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.661.059.126	2.014.303.714
- Nguyên giá	228		2.214.054.700	2.214.054.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(552.995.574)	(199.750.986)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.741.135.454	37.986.406.370
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		83.682.913.800	83.682.913.800
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	8.880.000.000	8.880.000.000
2. Góp vốn liên doanh	253	13	74.802.913.800	74.802.913.800
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.125.523.680	1.793.454.656
1. Tài sản dài hạn khác	268	14	2.125.523.680	1.793.454.656
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		866.664.212.166	789.281.178.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MÁU SỐ B 01a - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		241.453.884.627	242.695.139.849
I. Nợ ngắn hạn	310		120.304.878.956	123.317.896.118
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	21.477.274.860	74.328.110.040
2. Phải trả người bán	312		68.811.852.647	13.802.051.043
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3.622.012.516	2.382.764.192
4. Phải trả người lao động	315		11.039.567.339	9.121.741.641
5. Chi phí phải trả	316	17	7.619.128.552	17.094.196.248
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		2.837.638.268	4.597.125.005
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.897.404.774	1.991.907.949
II. Nợ dài hạn	330		121.149.005.671	119.377.243.731
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	121.149.005.671	119.377.243.731
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		625.210.327.539	546.586.038.494
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	625.210.327.539	546.586.038.494
1. Vốn điều lệ	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		83.682.913.800	83.682.913.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		123.903.124.694	44.265.000.479
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		44.197.190.000	41.983.111.242
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.000.000.000	18.600.226.961
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		153.427.099.045	158.054.786.012
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)	440		866.664.212.166	789.281.178.343

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại (USD)	240,19	136,4



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

(Signature)

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

(Signature)

Lê Thị Hải Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 02a - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1		246.533.163.042	234.244.379.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		246.533.163.042	234.244.379.537
4. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11		128.712.807.993	130.659.103.572
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		117.820.355.049	103.585.275.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	10.524.894.574	14.566.268.895
7. Chi phí tài chính	22	23	6.941.347.189	3.725.043.099
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.739.418.358	3.522.862.835
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.707.298.753	5.440.321.278
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		109.696.603.681	108.986.180.483
10. Thu nhập khác	31		134.228.720	50.812.760
11. Chi phí khác	32		141.000.000	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.771.280)	50.812.760
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		109.689.832.401	109.036.993.243
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	6.262.733.356	7.631.152.373
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		103.427.099.045	101.405.840.870
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	5.171	5.070



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	248.151.777.210	243.648.913.489
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(77.156.018.065)	(82.846.029.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.803.926.228)	(26.811.514.360)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.665.203.820)	(3.963.624.534)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.019.124.925)	(3.893.584.104)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.667.577.921	9.576.835.868
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.829.875.888)	(17.574.307.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	118.345.206.205	118.136.689.361
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(59.822.364.640)	(102.807.073.211)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	(90.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	58.000.000.000	85.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(55.818.839.400)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.398.497.218	12.534.665.164
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.423.867.422)	(151.091.247.447)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	48.835.710.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.238.782.120)	(54.061.689.320)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.023.428.072)	(4.023.428.072)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(21.200.592.550)	(40.855.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.462.802.742)	(50.104.843.392)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	27.458.536.041	(83.059.401.478)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	103.304.966.501	149.353.441.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	71.497	(71.218.965)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	130.763.574.039	66.222.820.852



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ - TGD ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ và Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 0203000346 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và các lần sửa đổi bổ sung.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, Công ty có vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, được chia thành 20.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DVP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 409 người (tại ngày 31/12/2012 là 399 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho, bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng do góp 51% vốn điều lệ vào Công ty.
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ do Công ty góp 51% vốn điều lệ (góp vốn liên doanh).
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ do Công ty góp 46,5% vốn điều lệ.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty và Hội đồng Quản trị.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được trình bày trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp giá trị tài sản thuần. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Trong năm, lượng hàng tồn kho nhỏ và phần lớn hàng tồn kho là vật tư phục vụ sản xuất. Lượng hàng tồn kho mua trong năm căn cứ vào nhu cầu sản xuất và thường xuất dùng hết nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn. Cụ thể, tài sản thuê tài chính là Cầu cầu Mobile Harbour Crane được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm (thời gian thuê).

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí thực tế phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nguồn vốn

Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý theo quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này (ngoại trừ các khoản công nợ ứng trước cho người bán). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4477GCN/UB ngày 17/09/2004 của UBND Thành phố Hải Phòng, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Quyết định số 06/2008/QĐ-TTg ngày 10/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 141/CT-TT&HT của Cục thuế Hải Phòng ngày 21/02/2011, Công ty được hưởng các chính sách ưu đãi thuế sau:

Ưu đãi thuế suất thuế TNDN

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nêu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.102.632.828	199.825.809
Tiền gửi ngân hàng	54.660.941.211	8.105.140.692
Các khoản tương đương tiền (i)	75.000.000.000	95.000.000.000
Cộng	<u>130.763.574.039</u>	<u>103.304.966.501</u>

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (i)	121.068.888.889	156.000.000.000
	<u>121.068.888.889</u>	<u>156.000.000.000</u>

Ghi chú: (i) Đây là các khoản tiền gửi đầu tư linh hoạt kèm quyền chọn - kỳ hạn quyền chọn 36 tháng, kỳ nhận lại hàng 01 tháng. Công ty được gửi thêm vốn hoặc rút trước hạn toàn bộ số vốn (tất toán) hoặc một phần vốn đầu tư ban đầu và gửi/rút làm nhiều lần vào ngày cuối cùng của các kỳ hạn quyền chọn (01 lần/tháng).

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.836.606.278	9.286.714.553
Công cụ, dụng cụ	458.814.404	200.596.404
Cộng	<u>11.295.420.682</u>	<u>9.487.310.957</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>11.295.420.682</u>	<u>9.487.310.957</u>

7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (i)	933.274.502	792.843.128
	<u>933.274.502</u>	<u>792.843.128</u>

Ghi chú: (i) Phải thu dài hạn khác liên quan đến thuế giá trị gia tăng đầu vào của thuê tài sản tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	254.611.969.322	282.958.944.908	81.280.068.762	6.310.971.454	625.161.954.446
Mua sắm mới	-	-	1.663.636.363	220.780.000	1.884.416.363
Đầu tư xây dựng cơ bản chuyển sang	54.360.999.097	106.521.375.860	-	-	160.882.374.957
Giảm khác (i)	-	-	-	(135.366.989)	(135.366.989)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(215.739.867)	(215.739.867)
Tại ngày 30/06/2013	308.972.968.419	389.480.320.768	82.943.705.125	6.180.644.598	787.577.638.910

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013	179.549.353.266	97.514.764.571	69.497.520.526	2.589.005.684	349.150.644.047
Khấu hao trong kỳ	20.920.270.725	17.146.014.641	2.318.903.358	776.420.853	41.161.609.577
Giảm khác (i)	-	-	-	(67.194.523)	(67.194.523)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(215.739.867)	(215.739.867)
Tại ngày 30/06/2013	200.469.623.991	114.660.779.212	71.816.423.884	3.082.492.147	390.029.319.234

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2013	75.062.616.056	185.444.180.337	11.782.548.236	3.721.965.770	276.011.310.399
Tại ngày 30/06/2013	108.503.344.428	274.819.541.556	11.127.281.241	3.098.152.451	397.548.319.676

Ghi chú: (i) Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 của Bộ Tài Chính, Công ty đã thực hiện phân loại lại các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND chưa khấu hao hết sang theo dõi ở tài khoản chi phí trả trước dài hạn để phân bổ tiếp. Công ty chưa ghi giảm nguyên giá và khấu hao của các tài sản có nguyên giá dưới 30.000.000 VND và đã hết khấu hao đến 30/06/2013 với giá trị là 546.182.800 VND.

Tại ngày 30/06/2013, nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 155.832.410.756 VND (tại ngày 31/12/2012 là 155.832.410.756 VND).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2013 lần lượt là 32.541.774.174 VND và 162.356.038.174 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	47.803.434.833	47.803.434.833
Tại ngày 30/06/2013	47.803.434.833	47.803.434.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	28.682.060.904	28.682.060.904
Khấu hao trong kỳ	4.780.343.484	4.780.343.484
Tại ngày 30/06/2013	33.462.404.388	33.462.404.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	19.121.373.929	19.121.373.929
Tại ngày 30/06/2013	14.341.030.445	14.341.030.445

Tài sản cố định thuê tài chính là cần cầu Mobile Harbour Crane thuê theo hợp đồng số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính - Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem thuyết minh 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	2.214.054.700	2.214.054.700
Tại ngày 30/06/2013	2.214.054.700	2.214.054.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	199.750.986	199.750.986
Khấu hao trong kỳ	353.244.588	353.244.588
Tại ngày 30/06/2013	552.995.574	552.995.574
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	2.014.303.714	2.014.303.714
Tại ngày 30/06/2013	1.661.059.126	1.661.059.126

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	37.986.406.370	5.142.449.649
Tăng trong kỳ	124.637.104.041	2.052.641.614
Kết chuyển sang tài sản cố định	(160.882.374.957)	(4.662.210.095)
Tại ngày cuối kỳ	1.741.135.454	2.532.881.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ (i)	8.880.000.000	8.880.000.000
	8.880.000.000	8.880.000.000

Ghi chú: (i) Theo biên bản góp vốn ngày 14/10/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Theo đó, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là 30.000.000.000 đồng; Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6% vốn điều lệ). Tại ngày 30/06/2013, Công ty đã góp được 8.880.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	Cảng Đình Vũ, Hải Phòng	45,6	45,6	Kho bãi, lưu giữ hàng hóa; bốc xếp hàng hóa; vận tải hàng hóa...

Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ bắt đầu hoạt động từ ngày 17/12/2011. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Công ty TNHH Tiếp vận Đình Vũ tại ngày 30/06/2013 là 4.216.180.435 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận.

13. GÓP VỐN LIÊN DOANH

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (i)	74.802.913.800	74.802.913.800
	74.802.913.800	74.802.913.800

Ghi chú: (i) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7/2010, hai bên thống nhất góp vốn thành lập Công ty liên doanh đồng kiểm soát Công ty TNHH tiếp vận SITC - Đình Vũ. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty liên doanh là 145.852.000.000 đồng trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51%. Đến ngày 30/06/2013, Công ty đã góp được 74.802.913.800 đồng. Chênh lệch giữa số tiền VND giữa hợp đồng và số thực góp do chênh lệch tỷ giá tại ngày góp và tỷ giá tạm tính trong hợp đồng.

Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là: Kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa; Vận tải hàng hóa...

Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ bắt đầu hoạt động từ ngày 29/01/2011. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ tại ngày 30/06/2013 là 33.269.036.851 VND. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn (i)	2.125.523.680	1.793.454.656
	<u>2.125.523.680</u>	<u>1.793.454.656</u>

Ghi chú: (i) Đây là khoản tiền ký quỹ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín dùng để thuê tài chính 2 giàn trục Mobile Crane theo hợp đồng thuê số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem Thuyết minh 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả		
Thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (i)	4.077.903.140	8.039.901.880
Vay ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Á Châu-Chi nhánh Hải Phòng (ii)		
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ngày 17/02/2011	10.058.302.600	19.821.472.800
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.01101207/DH ngày 10/12/2007	1.987.910.400	3.917.491.200
- Hợp đồng tín dụng số: HAP.DN.01250407/DH ngày 25/04/2007	5.353.158.720	10.549.244.160
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Hải Phòng (iii)	-	32.000.000.000
	<u>21.477.274.860</u>	<u>74.328.110.040</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê tài chính 2 giàn trục Mobile Crane theo hợp đồng thuê số SBL010200906004 ký ngày 04/06/2009 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Chi tiết hợp đồng xem Thuyết minh 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.
- (ii) Khoản tiền phải trả Ngân hàng TMCP Á Châu dùng để đầu tư, mua sắm tài sản cố định. Chi tiết các hợp đồng xem thuyết minh số 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.
- (iii) Khế ước nhận nợ số 13012/2012/HĐTD-PN/SHB HP ngày 12/12/2012 giữa NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ. Tổng số tiền cho vay là 32 tỷ đồng, thời hạn vay 20 ngày, lãi suất 11.5%/năm. Khoản vay này đã được tất toán trong kỳ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.622.012.516	2.378.404.085
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.360.107
	<u>3.622.012.516</u>	<u>2.382.764.192</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định (i)	7.004.874.838	10.000.000.000
Lương còn phải trả	-	6.500.000.000
Lãi tiền vay ngân hàng	478.944.300	390.799.940
Thuê nhân công	135.309.414	203.396.308
	7.619.128.552	17.094.196.248

Ghi chú: (i) Là khoản tiền trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo Báo cáo số 21/2012/ĐT-CĐV ngày 30/01/2012 về việc thực hiện công tác đầu tư 2011 và kế hoạch đầu tư, sửa chữa lớn năm 2012 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt nhưng chưa chi đến 30/06/2013.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng		
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ngày 17/02/2011 (i)	100.581.335.600	99.105.698.400
- Hợp đồng HAP.DN.01250407/DH ngày 25/04/2007 (ii)	5.353.050.323	5.274.515.273
- Hợp đồng HAP.DN.01101207/DH ngày 10/12/2007(iii)	2.980.703.450	2.936.973.300
<i>Nợ thuê tài chính</i>		
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng	12.233.916.298	12.060.056.758
TMCP Sài Gòn Thương Tín (iv)		
	121.149.005.671	119.377.243.731

Ghi chú:

(i) Hợp đồng tín dụng dài hạn số HAP.DN.04250111/DH ngày 17/02/2011

Số tiền vay 6.577.200 USD. Mục đích vay: đầu tư mua sắm 02 cần cẩu trục giàn QC theo hợp đồng số 03/DVP/AD/2010 ký ngày 02/06/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Kranunion. Thời hạn vay từ ngày 16/03/2012 đến ngày 10/11/2018. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Nợ gốc được trả hàng quý, nợ lãi được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo được quy định trong Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số HAP.BĐDN.04.250111/MMTB là 02 cần trục giàn QC (Quayside Gantry Crane) mới 100%, Model FS 50t x 35/20/16, hãng chế tạo: KIROV ARDELT AG. Tổng giá trị tài sản đảm bảo là 9.396.000 USD tương đương 183.222.000.000 VND.

Lịch trả nợ gốc được quy định cụ thể như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.058.302.600	19.821.472.800
Trong năm thứ hai	20.116.605.200	19.821.472.800
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.349.815.600	59.464.418.400
Sau năm năm	20.114.914.800	19.819.807.200
	110.639.638.200	118.927.171.200
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	10.058.302.600	19.821.472.800
Số phải trả sau 12 tháng	100.581.335.600	99.105.698.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

(ii) Hợp đồng HAP.DN.01250407/DH ngày 25/04/2007

Số tiền vay USD tương đương 70.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 1. Thời hạn vay 84 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời gian trả nợ gốc 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; thời gian trả nợ lãi 84 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất đối với khoản vay giải ngân trước ngày 21/03/2008 là SIBOR 6 tháng cộng 1.8%/năm, đối với những khoản vay giải ngân sau ngày 21/03/2008 sẽ chịu lãi suất theo quy định của ACB và thể hiện trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nợ gốc và lãi vay được trả theo kỳ hạn hàng quý. Tài sản bảo đảm là toàn bộ công trình kiến trúc được xây dựng trên diện tích 221.425 m² đất thuê bao gồm: Cầu cảng và cầu tàu số 1 và số 2, nhà kho, nhà văn phòng, nhà để xe, đường đi, bãi Container... và các hạng mục công trình khác gắn liền với đất và cần cầu chân đế (số 3) kiểu quay LIEBHERR loại CBW40/32 LITRONIC và các thiết bị, phụ tùng liên quan được lắp đặt tại cầu cảng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản đảm bảo theo ước tính là 164.170.000.000 VND.

Lịch trả nợ gốc cụ thể như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.353.158.720	10.549.244.160
Từ năm thứ hai trở đi	5.353.050.323	5.274.515.273
	10.706.209.043	15.823.759.433
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	5.353.158.720	10.549.244.160
Số phải trả sau 12 tháng	5.353.050.323	5.274.515.273

(iii) Hợp đồng HAP.DN.01101207/DH ngày 10/12/2007

Số tiền vay USD tương đương 30 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ giai đoạn 1. Thời hạn vay 84 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, thời gian trả nợ gốc 60 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn; thời gian trả nợ lãi 84 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất vay là SIBOR 6 tháng cộng 1.8%/năm và được thay đổi 6 tháng/lần. Nợ gốc và lãi vay được trả hàng quý kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản bảo đảm là toàn bộ công trình kiến trúc được xây dựng trên diện tích 221.425 m² đất thuê bao gồm: Cầu cảng và cầu tàu số 1 và số 2, nhà kho, nhà văn phòng, nhà để xe, đường đi, bãi Container... và các hạng mục công trình khác gắn liền với đất tại cầu cảng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản đảm bảo theo ước tính là 144.170.000.000 VND.

Lịch trả nợ cụ thể như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.987.910.400	3.917.491.200
Từ năm thứ hai trở đi	2.980.703.450	2.936.973.300
	4.968.613.850	6.854.464.500
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	1.987.910.400	3.917.491.200
Số phải trả sau 12 tháng	2.980.703.450	2.936.973.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

(iv) Hợp đồng cho thuê Tài chính số SBL010200906004 ngày 04/06/2009 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính - Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (Bên B). Tài sản thuê là cần cầu Mobile Harbour Crane làm hàng container, đã qua sử dụng, Model HMK 280E, hệ thống cấp điện cấp điện cho cầu mới 100%. Tổng số tiền cho thuê là 2.517.191 USD. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ ngày 01/01/2011 thả nổi theo lãi suất LIBOR (06 tháng) + phí cố định là 5.5%/năm (được quy định tại phụ lục Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 29/01/2011). Lãi suất được điều chỉnh vào 15/04 và 15/10 hàng năm. Thời hạn cho thuê từ ngày 01/08/2010 đến ngày 08/04/2015. Nợ gốc thanh toán hàng quý; nợ lãi thanh toán hàng tháng, cuối kỳ. Công ty ký cược 100.688 USD cho Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính - Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín thời điểm ký hợp đồng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trên. Số tiền ký cược này sẽ được dùng để cầm trả nghĩa vụ thanh toán nợ tiền thuê tài chính của Công ty vào những kỳ cuối theo quy định của hợp đồng. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty được mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 0,1%/tổng số tiền cho thuê.

Lịch trả nợ gốc cụ thể như sau:

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.077.903.140	8.039.901.880
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	12.233.916.298	12.060.056.758
Sau năm năm	-	-
Tổng	<u>16.311.819.438</u>	<u>20.099.958.638</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	4.077.903.140	8.039.901.880
Số phải trả sau 12 tháng	<u>12.233.916.298</u>	<u>12.060.056.758</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Đình Vũ, phường Đồng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	200.000.000.000	15.100.814.400	61.923.126.380	26.959.123.054	11.019.535.477	127.666.047.951	445.808.727.573	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	188.054.786.012	188.054.786.012	
Phân phối lợi nhuận	-	-	50.923.973.499	15.161.382.968	7.580.691.484	(157.666.047.951)	(84.000.000.000)	
Điều chuyển nguồn	-	68.582.099.400	(68.582.099.400)	-	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	(3.140.080.311)	
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(137.394.780)	-	-	(137.394.780)	
Tại ngày 01/01/2013	200.000.000.000	83.682.913.800	44.265.000.479	41.983.111.242	18.600.226.961	158.054.786.012	546.586.038.494	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	103.427.099.045	103.427.099.045	
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	79.638.124.215	3.016.888.758	1.399.773.039	(108.054.786.012)	(24.000.000.000)	
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(802.810.000)	-	-	(802.810.000)	
Tại ngày 30/06/2013	200.000.000.000	83.682.913.800	123.903.124.694	44.197.190.000	20.000.000.000	153.427.099.045	625.210.327.539	

Ghi chú: (i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 41/NQ - ĐHĐCĐ ngày 19/06/2013 của Đại hội đồng cổ đông như sau:

Chia cổ tức 2012 đợt 2	20.000.000.000 đồng
Trích quỹ dự phòng tài chính	3.016.888.758 đồng
Trích quỹ khen thưởng	2.000.000.000 đồng
Trích quỹ phúc lợi	1.500.000.000 đồng
Trích quỹ ban điều hành	500.000.000 đồng
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	1.399.773.039 đồng
Trích quỹ đầu tư phát triển	79.638.124.215 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ đồng, được phát hành thành 20.000.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán DVP.

Tại ngày 30/6/2013, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	30/06/2013		01/01/2013	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	102.000.000.000	51,0%	102.000.000.000	51,0%
Công ty CP Vật tư nông sản	37.400.000.000	18,7%	37.400.000.000	18,7%
Các cổ đông khác	60.600.000.000	30,3%	60.600.000.000	30,3%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu

		Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Đơn vị tính			
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	VND/ cổ phiếu	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	cổ phiếu	20.000.000	20.000.000

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty không có báo cáo bộ phận cho từng lĩnh vực kinh doanh.

Công ty chỉ hoạt động tại một địa điểm nên không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.573.324.380	17.873.788.593
Chi phí nhân công	30.067.190.645	29.457.800.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.295.197.649	43.224.079.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.853.924.665	40.518.978.822
Chi phí khác	10.630.469.407	5.024.777.173
Cộng	140.420.106.746	136.099.424.850

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09a-DN

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.461.730.336	11.495.066.120
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.002.600.183	3.071.202.775
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.060.564.055	-
Cộng	10.524.894.574	14.566.268.895

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi tiền vay	4.739.418.358	3.522.862.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	119.327.151	202.180.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.082.601.680	-
Cộng	6.941.347.189	3.725.043.099

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	109.689.832.401	109.036.993.243
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	702.100.000	17.900.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	702.100.000	17.900.000
Thu nhập chịu thuế	110.391.932.401	109.054.893.243
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	106.676.391.703	98.162.854.689
Thu nhập từ hoạt động khác	3.715.540.698	10.892.038.554
Thuế suất ưu đãi cho hoạt động kinh doanh	10%	10%
Thuế suất thông thường cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động chính	10.667.639.170	9.816.285.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	(5.333.790.989)	(4.908.142.734)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động khác	928.885.175	2.723.009.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.262.733.356	7.631.152.373

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nêu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	103.427.099.045	101.405.840.870
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	103.427.099.045	101.405.840.870
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.171	5.070

26. THÔNG TIN KHÁC

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau :

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND Thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất có diện tích 221.415 m² tại phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ Giấy chứng nhận ưu đãi số 4477 GCN/UB ngày 17/09/2004 và theo Công văn số 57/CCT -THDT, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 10 năm, kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất.

Đơn giá thuê đất là 1.050 đồng/m²/năm và được thông báo khi có thay đổi. Tiền thuê đất nộp hàng năm, chia thành 2 đợt, đợt 1 trước ngày 30/06 và đợt 2 trước ngày 15/10.

- Hợp đồng số 09/HĐTĐ - 2010 ngày 12/08/2010 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê đất 39.600 m² trong cụm công nghiệp Vinashin Đình Vũ. Tổng tiền thuê là 31.680.000.000 đồng. Thời hạn cho thuê đến hết ngày 31/07/2057.

Ngày 09/12/2011, Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương đã thực hiện ký kết biên bản thỏa thuận 3 bên, theo đó, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng đối với Công ty theo hợp đồng 09/HĐTĐ - 2010.

Ngày 12/10/2012, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương đã ký kết hợp đồng giữ đất số 01/2012/HĐGD-MP. Theo đó, các bên có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 09/HĐTĐ - 2010 ngày 12/08/2010. Cụ thể, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương sẽ bàn giao mặt bằng, cung cấp các tiện ích sử dụng trong khu công nghiệp (cung cấp điểm nối điện, nước sinh hoạt, nước thải, đường giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy) cho Công ty và phối hợp hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty. Tại ngày 30/06/2013, Công ty đã nhận bàn giao mặt bằng khu đất nêu trên và thanh toán cho Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương 19.000.000.000 đồng (bao gồm 6.500.000.000 ứng trước cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng trong năm 2011).

THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	96.860.000	380.280.395
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	2.279.763.600	3.423.282.115
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	23.005.000	-
Mua hàng		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	604.348.707	-
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	-	1.144.000
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	8.082.805.897	4.980.242.883

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	168.674.000	62.128.000
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	781.294.800	96.811.935
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	6.033.500	3.905.000
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng	765.153.487	131.402.507
Công ty CP Tiếp vận Đình Vũ	3.208.863.038	1.293.459.442

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.244.282.158	1.121.469.580

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	142.626.280.531	193.705.353.771
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	130.763.574.039	103.304.966.501
Nợ thuần	11.862.706.492	90.400.387.270
Vốn chủ sở hữu	625.210.327.539	546.586.038.494
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,90%	16,54%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.763.574.039	103.304.966.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.119.584.967	59.067.974.433
Đầu tư tài chính dài hạn	83.682.913.800	83.682.913.800
Tổng cộng	281.566.072.806	246.055.854.734
Công nợ tài chính		
Các khoản nợ thuê tài chính	16.311.819.438	20.099.958.638
Các khoản vay	126.314.461.093	173.605.395.133
Phải trả người bán và phải trả khác	71.649.490.915	18.399.176.048
Chi phí phải trả	7.619.128.552	17.094.196.248
Tổng cộng	221.894.899.998	229.198.726.067

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09a-DN

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	142.626.280.531	161.705.353.771	61.750.711.833	53.419.391.080

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Tổng Giám đốc xác định là 10%. Khi đó, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy sự chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ ảnh hưởng đến các mục bằng tiền có gốc ngoại tệ còn tồn tại cuối năm.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận/(lỗ) trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(8.087.556.870)	(10.828.596.269)
	(8.087.556.870)	(10.828.596.269)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.763.574.039	-	-	130.763.574.039
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.186.310.465	933.274.502	-	67.119.584.967
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	83.682.913.800	83.682.913.800
Cộng	196.949.884.504	933.274.502	83.682.913.800	281.566.072.806
30/06/2013				
Các khoản nợ thuê tài chính	4.077.903.140	12.233.916.298	-	16.311.819.438
Các khoản vay	17.399.371.720	88.800.174.573	20.114.914.800	126.314.461.093
Phải trả người bán và phải trả khác	71.649.490.915	-	-	71.649.490.915
Chi phí phải trả	7.619.128.552	-	-	7.619.128.552
Cộng	100.745.894.327	101.034.090.871	20.114.914.800	221.894.899.998
Chênh lệch thanh khoản thuần	96.203.990.177	(100.100.816.369)	63.567.999.000	59.671.172.808
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND		VND
01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.304.966.501	-	-	103.304.966.501
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.294.198.417	792.843.128	-	59.087.041.545
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	83.682.913.800	83.682.913.800
Cộng	161.599.164.918	792.843.128	83.682.913.800	246.074.921.846
01/01/2013				
Các khoản nợ thuê tài chính	8.039.901.880	12.060.056.758	-	20.099.958.638
Các khoản vay	66.288.208.160	87.497.379.773	19.819.807.200	173.605.395.133
Phải trả người bán và phải trả khác	18.399.176.048	-	-	18.399.176.048
Chi phí phải trả	17.094.196.248	-	-	17.094.196.248
Cộng	109.821.482.336	99.557.436.531	19.819.807.200	229.198.726.067
Chênh lệch thanh khoản thuần	51.777.682.582	(98.764.593.403)	63.863.106.600	16.876.195.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 41/NQ - ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 19/06/2013 thì thông qua phương án tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ 1:1 (mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm). Số lượng cổ phiếu phát hành là 20.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 VND/cổ phần. Nguồn vốn thực hiện: Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và quỹ khác phù hợp với quy định pháp luật căn cứ trên Báo cáo tài chính kiểm toán quý II/2013.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành nêu trên sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam sau khi kết thúc việc phát hành và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng Câu đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu cùng kỳ năm trước (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012) đã được soát xét.



Nguyễn Ngọc Hồng
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2013

Đoàn Minh Trung
Kế toán trưởng

Lê Thị Hải Thành
Người lập biểu